

Số: 219 /NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 13 tháng 01 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa: Mua sắm vật tư  
tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 -  
Phần Điện

**Kính gửi: Các nhà cung cấp**

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 - Phần Điện”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
  - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
  - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.
  - Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO,CQ/các tài liệu liên quan khác.
2. Tiến độ cung cấp: 120 ngày kể từ ngày đặt hàng/Hợp đồng có hiệu lực.
3. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang..
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15 h00 ngày 25/02/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Vũ Hồng Vân (SĐT: 0939 751 651) - Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: giangtth@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; vanvh@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy (để b/c);
- Phòng/PX: KTATMT;
- Lưu VT, TM (V.H.V).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK**  
**KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Chính**

**PHẠM VI CÔNG VIỆC ĐÍNH KÈM CÔNG VĂN SỐ 219 /NMĐSH1-TM NGÀY 13 /02/2025**  
(Danh mục vật tư tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 - Phần Điện)

| STT | Tên vật tư                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã hàng hóa            | Hãng sản xuất | Xuất xứ  | ĐVT  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|----------|------|----------|---------|
| 1   | Băng keo cách điện hạ thế       | Băng keo cách điện hạ thế<br>Kích thước: 5MILx3/4"X20y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Insulating Tape        | Hiệp Phát     | Asia     | Cuộn | 277      |         |
| 2   | Băng keo cách điện trung thế    | Tính năng, đặc điểm của băng keo cách điện trung thế 3M Scotch 130C:<br>Scotch 130C cách điện không quá 69kv.<br>Loại keo: Rubber Resin.<br>Vật liệu nền: Ethylene Propylene Rubber, Ethylene Rubber.<br>Tiêu chuẩn: RoHS 2011/65/EU compliant without exemption.<br>Được thiết kế để có thể chịu sock nhiệt đến 130oC.<br>Chiều dài: 9.144m.<br>Độ dày: 0.762mm.<br>Độ dẫn dài: 850%.<br>Khổ rộng: 19 mm.                                                                                                                                                                                 | Scotch Tape 130C       | 3M            | OECD     | Cuộn | 10       |         |
| 3   | Bộ phích cắm chia 3 công nghiệp | Dòng điện định mức: 16A<br>Điện áp: 240V<br>Chống nước: IP67<br>Số cực: 3 (2P+E)<br>Tiết diện định mức dây cáp: 1-2.5 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | MDP10132               | MD            | Asia     | Bộ   | 24       |         |
| 4   | Bóng đèn LED BULB Tròn 9W E27   | Công suất: 9W<br>Điện áp: 220V/50Hz<br>Nhiệt độ màu: 6500K/3000K<br>Quang thông: 810/720 lm<br>Tuổi thọ: 20.000 giờ<br>Kích thước (ØxH): 60 x 108 (mm)<br>Đuôi vặn: E27                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | LEDBU11A60             | Điện Quang    | Vietnam  | Cái  | 50       |         |
| 5   | Cánh quạt làm mát động cơ       | Thông số kỹ thuật:<br>- Kích thước đường kính ngoài: 110 mm<br>- Kích thước đường kính lỗ: 10 mm<br>- Dùng cho các động cơ có công suất 0,18 kW                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã cánh quạt: 08000638 | WEG           | Germany  | Cái  | 50       |         |
| 6   | Cáp điện chống cháy             | - Quy cách: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC<br>- Ruột dẫn: Đồng<br>- Số lõi: 4<br>- Kiểu ruột dẫn: Bện tròn và bện tròn ép chặt cấp 2.<br>- Mật cắt danh định: Từ 1.5 mm2 đến 1000 mm2<br>- Điện áp danh định: 0.6/1 kV<br>- Dạng mẫu mã: Hình tròn<br>- Có tính năng chống cháy<br>- Cáp chống cháy theo tiêu chuẩn TCVN/IEC chịu được môi trường cháy tối đa ở nhiệt độ 750 oC với thời gian lên đến 90 phút cáp vẫn duy trì mạch điện.<br>- Cáp chống cháy theo tiêu chuẩn TCVN/IEC&BS chịu được môi trường cháy tối đa ở nhiệt độ 950 oC với thời gian lên đến 180 phút cáp vẫn duy trì mạch điện. | FRN-CXV 3x+1x          | CADI-SUN      | Việt Nam | Mét  | 300      |         |
| 7   | Cáp tiếp địa M120               | - Quy cách: Cu<br>- Ruột dẫn: Đồng 99,99%<br>- Số lõi: 1<br>- Kết cấu: Nhiều sợi bện tròn cấp 2.<br>- Mật cắt danh định: 120 mm2<br>- Dạng mẫu mã: hình tròn<br>- Màu sắc: vỏ màu vàng xanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | M120                   |               | Việt Nam | Mét  | 200      |         |

| STT | Tên vật tư                                         | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                   | Mã hàng hóa                   | Hãng sản xuất                 | Xuất xứ  | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|----------|-----|----------|---------|
| 8   | Cáp tiếp địa M240                                  | - Quy cách: Cu<br>- Ruột dẫn: Đồng 99,99%<br>- Số lõi: 1<br>- Kết cấu: Nhiều sợi bên tròn cấp 2.<br>- Mặt cắt danh định: 240 mm <sup>2</sup><br>- Dạng mẫu mã: hình tròn<br>- Màu sắc: vỏ màu vàng xanh                             | M240                          |                               | Việt Nam | Mét | 500      |         |
| 9   | Cáp tiếp địa M50                                   | - Quy cách: Cu<br>- Ruột dẫn: Đồng 99,99%<br>- Số lõi: 1<br>- Kết cấu: Nhiều sợi bên tròn cấp 2.<br>- Mặt cắt danh định: 50 mm <sup>2</sup><br>- Dạng mẫu mã: hình tròn<br>- Màu sắc: vỏ màu vàng xanh                              | M50                           |                               | Việt Nam | Mét | 200      |         |
| 10  | CẦU CHỈ KÍNH 5X20<br>0.5A FERRAZ<br>SHAWMUT GSB1/2 | - Điện áp : 250V<br>- Dòng điện : 0,5A<br>- Đặc tính : Cầu chì cắt nhanh (Fast acting)<br>- Kích thước : 5x20mm                                                                                                                     | MI5SF25V0,5                   | FERRAZ<br>SHAWMUT<br>(Mersen) | Asia     | Cái | 10       |         |
| 11  | Cầu chì Kính Ferraz<br>Shawmut GSB1                | - Điện áp : 250V<br>- Dòng điện : 1 A<br>- Đặc tính : Cầu chì cắt nhanh (Fast acting)<br>- Kích thước : 5x20mm                                                                                                                      | GSB1                          | FERRAZ<br>SHAWMUT<br>(Mersen) | Asia     | Cái | 5        |         |
| 12  | Cầu chì Kính Ferraz<br>Shawmut GSB1-1/4            | - Điện áp : 250V<br>- Dòng điện : 1.25 A<br>- Đặc tính : Cầu chì cắt nhanh (Fast acting)<br>- Kích thước : 5x20mm                                                                                                                   | GSB1-1/4                      | FERRAZ<br>SHAWMUT<br>(Mersen) | Asia     | Cái | 5        |         |
| 13  | Cầu chì Kính Ferraz<br>Shawmut GSB3-15/100         | - Điện áp : 250V<br>- Dòng điện : 3.15 A<br>- Đặc tính : Cầu chì cắt nhanh (Fast acting)<br>- Kích thước : 5x20mm                                                                                                                   | GSB3-15/100                   | FERRAZ<br>SHAWMUT<br>(Mersen) | Asia     | Cái | 5        |         |
| 14  | Cầu chì Kính Ferraz<br>Shawmut GSB8/100            | - Điện áp : 250V<br>- Dòng điện : 80 mA<br>- Đặc tính : Cầu chì cắt nhanh (Fast acting)<br>- Kích thước : 5x20mm                                                                                                                    | GSB8/100                      | FERRAZ<br>SHAWMUT<br>(Mersen) | Asia     | Cái | 5        |         |
| 15  | Cầu chì Radial lead<br>micro                       | - Material: Base and cap: Black<br>Thermoplastic, UL 94-V0.<br>Round pins: Copper, Tin-<br>plated.<br>- Operating temperature: - 55 °C - +125°C<br>- Type: MST.<br>- Ampere rating: 2A.<br>- Voltage rating: 250V<br>- Short Leads. | Part Number<br>MST 2A<br>250V | Multicompro                   | UK       | Cái | 30       |         |
| 16  | Cầu chì sứ                                         | OFL 10x38-10A; 500V                                                                                                                                                                                                                 | OFL 10x38                     | Omega                         | Asia     | Cái | 29       |         |
| 17  | Cầu chì sứ                                         | OFL 10x38-2A; 500V                                                                                                                                                                                                                  | OFL 10x38                     | Omega                         | Asia     | Cái | 29       |         |
| 18  | Cầu chì sứ                                         | OFL 10x38-6A; 500V                                                                                                                                                                                                                  | OFL 10x38                     | Omega                         | Asia     | Cái | 29       |         |
| 19  | Cầu chì thủy tinh 6x30<br>mm; 50 mA                | - Kích thước: 6x30mm.<br>- Dòng điện: 50 mA.<br>- Điện áp: 250 V                                                                                                                                                                    | Fuse 50mA                     | FX                            | Asia     | Cái | 70       |         |
| 20  | Cầu chì thủy tinh.                                 | 5x20mm; 1A/ 250V                                                                                                                                                                                                                    | 5x20 1A                       | FX                            | Asia     | Cái | 15       |         |
| 21  | Cầu chì thủy tinh.                                 | 5x20mm; 10A/250V                                                                                                                                                                                                                    | 5x20 10A                      | FX                            | Asia     | Cái | 5        |         |
| 22  | Cầu chì thủy tinh.                                 | Cầu Chì Ống Thủy Tinh 1A/250VAC<br>6x30mm                                                                                                                                                                                           |                               | OEM                           | Asia     | Cái | 40       |         |
| 23  | Cầu đầu nối hộp box<br>động cơ                     | Dùng cho động cơ từ: 0.4-1.5KW<br>- Kích thước: 55 x 33 x 7mm.<br>- Đường kính vít: 5.8mm.<br>- Khoảng cách giữa 2 lỗ vít: 30mm.<br>- Chất liệu: Ceramic siêu bền.                                                                  | Y80-90                        |                               | Vietnam  | Cái | 10       |         |

| STT | Tên vật tư                       | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã hàng hóa        | Hãng sản xuất | Xuất xứ  | ĐVT  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|----------|------|----------|---------|
| 24  | Cầu đấu nối hộp box động cơ      | Dùng cho động cơ từ: 2.2-7.5KW<br>- Kích thước: 65x 39x 7mm.<br>- Đường kính vít: 12,5 mm.<br>- Khoảng cách giữa 2 lỗ vít: 26mm.<br>- Chất liệu: Ceramic siêu bền.                                                                                                         | Y100-132           |               | Vietnam  | Cái  | 10       |         |
| 25  | Cầu đấu nối hộp box động cơ      | Dùng cho động cơ từ: 11-22KW<br>- Kích thước: 83 x 49 x 8 mm<br>- Đường kính vít: 5.8mm.<br>- Khoảng cách giữa 2 lỗ vít: 30mm.<br>- Chất liệu: Ceramic siêu bền.                                                                                                           | Y160-180           |               | Vietnam  | Cái  | 10       |         |
| 26  | Cầu đấu nối hộp box động cơ      | Dùng cho động cơ từ: 30-37KW<br>- Kích thước: 105 x 63 x 9mm.<br>- Đường kính vít: m6<br>- Khoảng cách giữa 2 lỗ vít: 30mm.<br>- Chất liệu: Ceramic siêu bền.                                                                                                              | Y200-225           |               | Vietnam  | Cái  | 10       |         |
| 27  | Cầu đấu nối hộp box động cơ      | Dùng cho động cơ từ: 45-75KW<br>- Kích thước: 135 x 84 x 9mm.<br>- Đường kính vít: 9.5 mm.<br>- Khoảng cách giữa 2 lỗ vít: 50 mm.<br>- Chất liệu: Ceramic siêu bền.                                                                                                        | Y250-280           |               | Vietnam  | Cái  | 5        |         |
| 28  | Cầu đấu nối hộp box động cơ      | Dùng cho động cơ từ : 90-110KW<br>- Kích thước (mm): 165 x 100 x 12<br>- Chất liệu: Ceramic siêu bền.<br>- Đường kính vít: 12,5 mm.                                                                                                                                        | Y315-350           |               | Vietnam  | Cái  | 5        |         |
| 29  | Chất tẩy rửa mạch điện tử        | -No ozone-depleting potential<br>-Fast evaporating<br>-Safe on plastics<br>-Low residue, high purity<br>-Non-corrosive<br>-High dielectric strength<br>-Restores and improves electrical continuity on energized equipment.<br>-NSF registered K2<br>- Quy cách: 350g/chai | CO Contact Cleaner | CRC           | OECD     | Chai | 23       |         |
| 30  | Chất vệ sinh bảng mạch điện tử   | Công dụng: Làm sạch, thâm nhập, đi sâu vào các lỗ, vết nứt, vết rỉ trên các thiết bị điện tử với cấu trúc phức tạp và tinh vi.<br>Phương thức: Dạng xịt<br>Dung tích: 500g /Chai                                                                                           | DC-3000            | Nabakem       | Korea    | Chai | 3        |         |
| 31  | Công tắc điện - Mặt hai công tắc | - 16A 250V<br>- Màu trắng                                                                                                                                                                                                                                                  |                    | Panasonic     | Việt Nam | m    | 30       |         |
| 32  | Cuộn dây điện 1 pha              | - Thương hiệu: LIOA<br>- Model: HYBRIDX-50M-20A<br>- Ổ cắm 1 pha loại Rulo chống xoắn dây;<br>- Chiều dài: 50m;<br>- Tiết diện dây: 2x2.5mm                                                                                                                                | HYBRIDX-50M-20A    | LIOA          | Vietnam  | Cuộn | 3        |         |
| 33  | Đầu cos chia phù nhựa            | Loại: Đầu cos chia<br>Chất liệu: Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng: 1.5~2.5 mm <sup>2</sup><br>Độ rộng càng: 4 mm<br>Quy cách đóng gói: 100 cái/bịch                                                                                                             | SV2-4              |               | China    | Bịch | 8        |         |
| 34  | Đầu cos chia phù nhựa            | Loại: Đầu cos chia<br>Chất liệu: Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng: 2.5~4 mm <sup>2</sup><br>Độ rộng càng: 4 mm<br>Quy cách đóng gói: 100 cái/bịch                                                                                                               | SV3.5-4            |               | China    | Bịch | 5        |         |

| STT | Tên vật tư               | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                            | Mã hàng hóa | Hãng sản xuất | Xuất xứ | ĐVT  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|---------|------|----------|---------|
| 35  | Đầu cos chia phù nhựa    | Loại Đầu cos chia<br>Chất liệu Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng 0.5~1.5 mm2<br>Độ rộng càng 4 mm<br>Quy cách đóng gói 100 cái/bịch                | SV1.25-4    |               | China   | Bịch | 5        |         |
| 36  | Đầu cos pin đặc phù nhựa | Loại Cos pin tròn đặc<br>Chất liệu Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng 1.5~2.5 mm2<br>Chiều dài Pin tiếp xúc 10 mm<br>Quy cách đóng gói 100 cái/bịch | PTV2-10     |               | China   | Bịch | 8        |         |
| 37  | Đầu cos pin đặc phù nhựa | Loại Cos pin tròn đặc<br>Chất liệu Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng 1.5~2.5 mm2<br>Chiều dài Pin tiếp xúc 13 mm<br>Quy cách đóng gói 100 cái/bịch | PTV2-13     |               | China   | Bịch | 5        |         |
| 38  | Đầu cos pin đặc phù nhựa | Loại Cos pin tròn đặc<br>Chất liệu Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng 0.5~1.5 mm2<br>Chiều dài Pin tiếp xúc 10 mm<br>Quy cách đóng gói 100 cái/bịch | PTV1.25-10  |               | China   | Bịch | 5        |         |
| 39  | Đầu cos pin đặc phù nhựa | Loại Cos pin tròn đặc<br>Chất liệu Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng 0.5~1.5 mm2<br>Chiều dài Pin tiếp xúc 13 mm<br>Quy cách đóng gói 100 cái/bịch | PTV1.25-13  |               | China   | Bịch | 5        |         |
| 40  | Đầu cos vòng phù nhựa    | Loại Đầu cos vòng<br>Chất liệu Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng 1.5~2.5 mm2<br>Lỗ bắt ốc (Ø) 6 mm<br>Quy cách đóng gói 100 cái/bịch               | RV2-6       |               | China   | Bịch | 8        |         |
| 41  | Đầu cos vòng phù nhựa    | Loại Đầu cos vòng<br>Chất liệu Đồng thau phủ nhựa<br>Tiết diện cáp sử dụng 0.5~1.5 mm2<br>Lỗ bắt ốc (Ø) 5 mm<br>Quy cách đóng gói 100 cái/bịch               | RV1.25-5    |               | China   | Bịch | 5        |         |
| 42  | Đầu cosse bit            | Loại: Đầu cos bit<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 6 mm2<br>Lỗ bắt ốc: (Ø) 6 mm                                                             | Cosse bit   |               | Asia    | Cái  | 15       |         |
| 43  | Đầu cosse bit            | Loại: Đầu cos bit<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 6 mm2<br>Lỗ bắt ốc: (Ø) 8 mm                                                             | Cosse bit   |               | Asia    | Cái  | 10       |         |
| 44  | Đầu cosse bit            | Loại: Đầu cos bit<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 8 mm2<br>Lỗ bắt ốc: (Ø) 8 mm                                                             | Cosse bit   |               | Asia    | Cái  | 15       |         |
| 45  | Đầu cosse bit            | Loại: Đầu cos bit<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 8 mm2<br>Lỗ bắt ốc: (Ø) 10 mm                                                            | Cosse bit   |               | Asia    | Cái  | 10       |         |
| 46  | Đầu cosse bit            | Loại: Đầu cos bit<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 10 mm2<br>Lỗ bắt ốc: (Ø) 8 mm                                                            | Cosse bit   |               | Asia    | Cái  | 15       |         |
| 47  | Đầu cosse bit            | Loại: Đầu cos bit<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 10 mm2<br>Lỗ bắt ốc: (Ø) 10 mm                                                           | Cosse bit   |               | Asia    | Cái  | 10       |         |



| STT | Tên vật tư                                   | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã hàng hóa        | Hãng sản xuất   | Xuất xứ  | ĐVT  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|----------|------|----------|---------|
| 48  | Đầu cosse bit                                | Loại: Đầu cos bit<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 16 mm <sup>2</sup><br>Lỗ bắt ốc: (Ø) 10 mm                                                                                                                                                                                                                                       | Cosse bit          |                 | Asia     | Cái  | 10       |         |
| 49  | Đầu cosse nối cáp thẳng                      | Loại: Đầu cos nối cáp tròn phủ nhựa (1.25)<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 1.25 mm <sup>2</sup><br>Quy cách: 100 cái/bịch                                                                                                                                                                                                          | Cosse thẳng        |                 | Asia     | Bịch | 8        |         |
| 50  | Đầu cosse nối cáp thẳng                      | Loại: Đầu cos nối cáp tròn phủ nhựa (2)<br>Chất liệu: Đồng thau<br>Tiết diện cáp sử dụng: 2 mm <sup>2</sup><br>Quy cách: 100 cái/bịch                                                                                                                                                                                                                | Cosse thẳng        |                 | Asia     | Bịch | 8        |         |
| 51  | Dây đai (V-Belts)                            | Size: A-64                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | A64                | Bando           | Asia     | Sợi  | 11       |         |
| 52  | Dây đai (V-Belts)                            | SPB2280LW/5V900                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | SPB 2280/<br>5V900 | Bando           | Asia     | Sợi  | 4        |         |
| 53  | Dây đai (V-Belts)                            | SPZ 950 LW                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | SPZ 950            | Bando           | Asia     | Sợi  | 6        |         |
| 54  | Dây đai (V-Belts)                            | SPZ 925 LW                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | SPZ 925            | Bando           | Asia     | Sợi  | 2        |         |
| 55  | Dây đai (V-Belts)                            | Size: A-58                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | A58                | Bando           | Asia     | Sợi  | 13       |         |
| 56  | Dây điện chịu nhiệt độ cao Amiang            | -Điện áp: 220/380 V<br>- Tiết diện: 2,5 mm <sup>2</sup><br>- Nhiệt độ làm việc: chịu đến 500 độ C<br>- Dây dẫn: dây đồng nguyên chất<br>- Cấu tạo từ lõi ra vỏ: Lõi đồng nguyên chất- amiang chịu nhiệt-mica cách nhiệt- amiang chịu nhiệt<br>- Vỏ ngoài dệt bằng Amiang chịu nhiệt                                                                  | GN500°C            | Shanghai Fei Yu | Asia     | Mét  | 350      |         |
| 57  | Dây đo đồng hồ bấm chuỗi 4mm liền kẹp cá sấu | Thông số kỹ thuật:<br>• Bộ : gồm 05 kẹp.<br>• Chất liệu: Đồng nguyên chất, lớp bọc ngoài silicon mềm dẻo<br>• Đầu cắm bấm chuỗi: 4mm<br>• Màu sắc: Đen, Xanh lá cây, Xanh nước biển, Vàng, Đỏ<br>• Chiều dài dây: 1m<br>• Chiều dài kẹp cá sấu: 60mm<br>• Chiều dài đầu cắm chuỗi: 62mm<br>• Độ mở kẹp: 15mm<br>• Dòng điện: 15A<br>• Điện áp: 1000V |                    |                 | Việt Nam | Bộ   | 3        |         |
| 58  | Đèn pin                                      | - Đèn pin KLARUS A1<br>- Độ sáng 1100lm, công sạc USB C,<br>- Pin 18650 2600mAh                                                                                                                                                                                                                                                                      | A1                 | Klarus          | Asia     | Cái  | 41       |         |
| 59  | Driver Led (Led Power Supply)                | Model: LY50W-F-50C<br>Điện áp đầu vào : 85 -265v<br>Điện áp ra : 120-170v<br>Công suất : 50w<br>Cường độ dòng điện : 300ma<br>Tần số : 50- 60Hz                                                                                                                                                                                                      |                    |                 | Việt Nam | cái  | 20       |         |
| 60  | Gen co nhiệt trung thế                       | - Đường kính 80mm.<br>- Điện áp chịu được 24kV<br>- Cuộn có chiều dài 30m<br>- Màu nâu đỏ                                                                                                                                                                                                                                                            | Gen co nhiệt       |                 | Asia     | Cuộn | 3        |         |

| STT | Tên vật tư                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                       | Mã hàng hóa        | Hãng sản xuất | Xuất xứ  | ĐVT  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|----------|------|----------|---------|
| 61  | Gioăng Cao Su Xốp                   | - Độ cứng: 30 - 60 shore A<br>- Độ bền kéo: $\geq 1,1$ Mpa<br>- Độ giãn dài khi đứt: $\geq 87.3\%$<br>- Độ nén: $\geq 0,21$ Mpa<br>- Gioăng cao su chịu nhiệt độ tối đa: +125 °C<br>- Màu sắc: đen<br>- Độ dày: 5mm<br>- Kích thước tấm: 1200 x 2400 mm |                    |               | Việt Nam | Tấm  | 5        |         |
| 62  | Kẹp 2 cấp song song GXCCP –G2P      | - Cable size (mm2): 70-120<br>- Bolt size (inches): 1/2 x 2<br>- Weight (kg): 0.41<br>- Vật liệu: Hợp kim đồng – BS EN 1982<br>- Bu lông, đai ốc: Đồng thau.                                                                                            | GXCCP –G2P         | Kumwell       | Việt Nam | Bộ   | 10       |         |
| 63  | Kẹp 2 cấp song song GXCCP –G3P      | - Cable size (mm2): 150 -240<br>- Bolt size (inches): 1/2 x 2<br>- Weight (kg): 0.42<br>- Vật liệu: Hợp kim đồng – BS EN 1982<br>- Bu lông, đai ốc: Đồng thau.                                                                                          | GXCCP –G3P         | Kumwell       | Việt Nam | Bộ   | 10       |         |
| 64  | Kẹp cá sấu                          | - Bộ :gồm kẹp đỏ + đen<br>- Kẹp dây đen dài 21 cm, dây đỏ dài 17,8 cm – chiều dài kẹp : 9.5cm(95mm); vỏ bọc: nhựa<br>- Kẹp tiếp xúc : đồng nguyên chất<br>- Dòng tối đa: 100A<br>- Điện áp tối đa : 500V                                                |                    |               | Việt Nam | Bộ   | 3        |         |
| 65  | Kẹp kim hàn Tig                     | Size: 1,6mm<br>Length: 50mm<br>Material: Cu(Bs)                                                                                                                                                                                                         | 10N23              |               | Hàn Quốc | Cái  | 20       |         |
| 66  | Kẹp kim hàn Tig                     | Size: 2,4mm<br>Length: 50mm<br>Material: Cu(Bs)                                                                                                                                                                                                         | 10N24              |               | Hàn Quốc | Cái  | 40       |         |
| 67  | Kẹp Mát Hàn Điện                    | Điện áp loại 1000A.<br>Chất liệu Sắt mạ Crom chống gỉ.<br>Mở tối đa 55mm.                                                                                                                                                                               | Earrrh Clamp 1000A |               | Asia     | Bộ   | 11       |         |
| 68  | Kẹp treo ray                        | - Dài: 44 mm; Rộng: 25 mm; Cao: 44 mm (đai ốc hình tay vặn)<br>- Bulong M6<br>- Chất liệu: PVC, thép mạ kẽm<br>- Khối lượng 100 gam                                                                                                                     | MS-HC-P-40         | Myung Shin    | Hàn Quốc | Cái  | 100      |         |
| 69  | Mỡ tiếp xúc điện                    | Silicone Grease                                                                                                                                                                                                                                         | B9                 | Toshiba       | Japan    | Tuýp | 40       |         |
| 70  | Nắp chụp nổi ray 3 pha (Join cover) | - Chất liệu: PVC<br>- Khối lượng 100 gam                                                                                                                                                                                                                | MS-JC-10           | Myung Shin    | Hàn Quốc | Cái  | 100      |         |
| 71  | Ổ cắm điện công nghiệp (Đầu cái)    | Dòng điện định mức: 16A<br>Điện áp: 240V<br>Chống nước: IP67<br>Số cực: 3 (2P+E)<br>Tiết diện định mức dây cáp: 1-2.5 mm                                                                                                                                | MDP2132            | MD            | Asia     | Cái  | 2        |         |
| 72  | O RING                              | TYPE: VS-160<br>- SIZE: 144 x 160 x 20,5<br>- Material: NBR<br>- QA_NO: 240000261500980                                                                                                                                                                 | 10402000388 0000   | NAK           | TAIWAN   | Cái  | 20       |         |
| 73  | Ống co nhiệt                        | Ống co nhiệt PVC hạ thế 2 lớp màu đen, lớp trong có keo nóng chảy;<br>Kích thước: Ø9.5<br>Nhiệt độ làm việc: -55 deg C to +125 deg C,<br>Điện áp làm việc max: 600V AC                                                                                  | Ống co nhiệt       |               | Asia     | Mét  | 23       |         |

| STT | Tên vật tư                           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                           | Mã hàng hóa  | Hãng sản xuất | Xuất xứ  | ĐVT  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------|----------|------|----------|---------|
| 74  | Ống co nhiệt                         | Ống co nhiệt PVC hạ thế 2 lớp màu đen, lớp trong có keo nóng chảy;<br>Kích thước: Ø12.7<br>Nhiệt độ làm việc: -55 deg C to +125 deg C,<br>Điện áp làm việc max: 600V AC                                                                                     | Ống co nhiệt |               | Asia     | Mét  | 23       |         |
| 75  | Ống co nhiệt                         | Ống co nhiệt PVC hạ thế 2 lớp màu đen, lớp trong có keo nóng chảy;<br>Kích thước: Ø2<br>Nhiệt độ làm việc: -55 deg C to +125 deg C,<br>Điện áp làm việc max: 600V AC                                                                                        | Ống co nhiệt |               | Asia     | Mét  | 13       |         |
| 76  | Ống co nhiệt                         | Ống co nhiệt PVC hạ thế 2 lớp màu đen, lớp trong có keo nóng chảy;<br>Kích thước: Ø6.4<br>Nhiệt độ làm việc: -55 deg C to +125 deg C,<br>Điện áp làm việc max: 600V AC                                                                                      | Ống co nhiệt |               | Asia     | Mét  | 13       |         |
| 77  | Ống co nhiệt trung thế 36kV 20mm     | - Đường kính ống (mm): 20<br>- Độ dày (mm): 1.2<br>- Độ co: 2:1<br>- Màu: Đỏ gạch                                                                                                                                                                           |              |               | Viet Nam | m    | 20       |         |
| 78  | Ống co nhiệt trung thế 36kV 20mm     | - Đường kính ống (mm): 30<br>- Độ dày (mm): 1.2<br>- Độ co: 2:1<br>- Màu: Đỏ gạch                                                                                                                                                                           |              |               | Viet Nam | m    | 20       |         |
| 79  | Ống co nhiệt trung thế 36kV 20mm     | - Đường kính ống (mm): 50<br>- Độ dày (mm): 1.2<br>- Độ co: 2:1<br>- Màu: Đỏ gạch                                                                                                                                                                           |              |               | Viet Nam | m    | 10       |         |
| 80  | Ống co nhiệt trung thế 36kV 20mm     | - Đường kính ống (mm): 70<br>- Độ dày (mm): 1.2<br>- Độ co: 2:1<br>- Màu: Đỏ gạch                                                                                                                                                                           |              |               | Viet Nam | m    | 10       |         |
| 81  | ống đồng máy lạnh Phi 12,7           | - Đường kính: 12,7 mm<br>- Độ dày: 0,61 mm<br>- Chiều dài: 15 m/Cuộn                                                                                                                                                                                        |              |               | Việt Nam | Cuộn | 9        |         |
| 82  | ống đồng máy lạnh Phi 6,35           | - Đường kính: 6,35 mm<br>- Độ dày: 0,60 mm<br>- Chiều dài: 15 m/ cuộn                                                                                                                                                                                       |              |               | Việt Nam | Cuộn | 10       |         |
| 83  | Ống gel cách điện                    | Đường kính: 10mm                                                                                                                                                                                                                                            | Ống gen điện |               | Asia     | Mét  | 1        |         |
| 84  | Ống gel cách điện                    | Đường kính: 8mm                                                                                                                                                                                                                                             | Ống gen điện |               | Asia     | Mét  | 1        |         |
| 85  | Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC    | Tiêu chuẩn ống luồn dây điện: BS 731 (Anh).<br>Chứng chỉ: Quatest 3<br>Cấp độ bảo vệ: IP 67<br>Nhiệt độ sử dụng: Từ -40°C đến +105°C<br>Cấu trúc: Squarelock<br>Vật liệu: Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel) + Lớp vỏ nhựa PVC (PVC Jacket)<br>Màu sắc: Đen | DPON100      | Đại Phong JSC | Viet Nam | Mét  | 100      |         |
| 86  | Phích cắm công nghiệp 5 chân         | Cấp độ bảo vệ: IP44<br>Thông số chính: 16A - 380V - 415V - 3P+N+E - IP44                                                                                                                                                                                    | MD015        | MD            | Asia     | Cái  | 20       |         |
| 87  | Phích cắm điện công nghiệp (Đầu đực) | Dòng điện định mức: 16A<br>Điện áp: 240V<br>Chống nước: IP67<br>Số cực: 3 (2P+E)<br>Tiết diện định mức dây cáp: 1-2.5 mm                                                                                                                                    | MDP0132      | MD            | Asia     | Cái  | 40       |         |



| STT | Tên vật tư           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã hàng hóa | Hãng sản xuất       | Xuất xứ  | ĐVT  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------|------|----------|---------|
| 88  | Phích cắm lõi sứ     | Chân phích 4.8 phi chịu được dòng điện lớn, dòng điện lên đến 30A<br>Vỏ là nhựa ABS chống cháy, chống vỡ, chịu nhiệt<br>Chân phích có lỗ bắt dây lớn có thể bắt dây được 4mm<br>Lõi phích làm bằng sứ chịu nhiệt tốt, cách điện cao, không bị cháy và biến dạng, chịu tải lên đến 6000W                                                                        | PCLS        | EUROSUPER/ Việt Nam | Việt Nam | Cái  | 20       |         |
| 89  | Pin nuôi nguồn Saft  | - Kiểu pin: Pin lithium nuôi nguồn cho PLC, CNC, TMPS<br>- Điện áp: 3.6V<br>- Dung lượng: 1200 mAh<br>- Size: 1/2AA<br>- Kích thước: đường kính 14.65mm, chiều cao 24.80mm<br>- Trọng lượng: 8g<br>- Ứng dụng: Dùng nuôi nguồn cho PLC, thiết bị đo, máy bảo động, nuôi bộ nhớ ...                                                                             | LS 14250    | SAFT                | Pháp     | Cái  | 10       |         |
| 90  | Simili quấn ống đồng | Dùng trong ngành lạnh, để quấn ống đồng máy lạnh. cách âm<br>- Màu trắng, rất dẻo và dai, khó đứt<br>- Quy cách: 3 cuộn/kg<br>- Bán rộng 8 cm, dài 10 m<br>- 50kg/bao                                                                                                                                                                                          |             |                     | Việt Nam | Cuộn | 50       |         |
| 91  | Sơn cách điện EL601  | - Thương hiệu: Sprayon<br>- Xuất xứ: USA<br>- Định dạng: Chất lỏng<br>- Gốc: Epoxy<br>- Điện áp cách điện: ~ 2600 Volts<br>- Nhiệt độ cách điện: 155oC – 310oF<br>- Thời gian khô: 15 – 30 min (Khô lí tưởng 1h)<br>- Màu sơn: Đen<br>- Quy cách: Bình xịt<br>- Trọng lượng: 432g<br>- Qty: 12 cans/Box                                                        | EL601       | Sprayon             | USA      | Chai | 5        |         |
| 92  | SƠN XIT CÁCH ĐIỆN 3M | - Màu sắc: màu đen<br>- Độ cách điện cao lên đến: 850V/ mil<br>- Dung tích: 12oz (340g)<br>- Thời gian khô (không còn dính): 15 phút<br>- Chịu va đập Gardner (in-lbs): 60<br>- Độ cứng (pencil): 4H<br>- Dung môi: Xylene, M.E.K, Acetone<br>- Chất nền: Alkyd Resin<br>- Chịu nhiệt lên đến: 120 độ C<br>- Có khả năng chống UV, quang, axit, dầu chất kiềm. | 1603-B      | Scotch              | 3M/USA   | Chai | 2        |         |
| 93  | Tụ điện              | - Điện dung: 6 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 440 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen                                                                                                                                                                                                                                                                         | CBB61       | SENZU               | China    | Cái  | 20       |         |
| 94  | Tụ điện              | - Điện dung: 4 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 440 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen                                                                                                                                                                                                                                                                         | CBB61       | SENZU               | China    | Cái  | 10       |         |
| 95  | Tụ điện              | - Điện dung: 3 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 440 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen                                                                                                                                                                                                                                                                         | CBB61       | SENZU               | China    | Cái  | 20       |         |

| STT | Tên vật tư                  | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã hàng hóa | Hãng sản xuất | Xuất xứ | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|---------|-----|----------|---------|
| 96  | Tụ điện                     | - Điện dung: 2,5 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 440 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen                                                                                                                                                                                   | CBB61       | SENZU         | China   | Cái | 10       |         |
| 97  | Tụ điện                     | - Điện dung: 2 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 440 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen                                                                                                                                                                                     | CBB61       | SENZU         | China   | Cái | 10       |         |
| 98  | Tụ điện                     | - Điện dung: 1,5 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 440 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen                                                                                                                                                                                   | CBB61       | SENZU         | China   | Cái | 10       |         |
| 99  | Tụ điện 60 uF 420 VAC       | - Điện dung: 60 uF T70<br>- Điện áp đánh thủng: 420 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen                                                                                                                                                                                | SH-D CAP    |               | CHINA   | Cái | 15       |         |
| 100 | Tụ điện nhôm                | - Điện dung: 9 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 450 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen<br>- Vỏ bọc: Nhôm                                                                                                                                                                   | Cbb61       | SENZU         | China   | Cái | 10       |         |
| 101 | Tụ điện nhôm                | - Điện dung: 45 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 450 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen<br>- Vỏ bọc: Nhôm                                                                                                                                                                  | CBB65       | SENZU         | China   | Cái | 10       |         |
| 102 | Tụ điện nhôm                | - Điện dung: 60 uF<br>- Điện áp đánh thủng: 450 VAC<br>- Số chân : 02<br>- Màu sắc: Đen<br>- Vỏ bọc: Nhôm                                                                                                                                                                  | CBB65       | SENZU         | China   | Cái | 10       |         |
| 103 | Thanh domino                | - Loại: 10A, 10 cực<br>- Rating insulation voltage: Max 600VAC<br>- Rating current: 250VAC 10A<br>- Insulation resistance: min 100MΩ at DC500V<br>- Dielectric strength: AC 2500V 50/60Hz 1min<br>- Rating suitable wire: 2.0 mm <sup>2</sup><br>- Terminal screw size: M3 | HYT-1010    | Hanyoung      | Korea   | Cái | 15       |         |
| 104 | Thanh domino                | - Loại: 20A, 6 cực<br>- Rating insulation voltage: Max 600VAC<br>- Rating current: 250VAC 20A<br>- Insulation resistance: min 100MΩ at DC500V<br>- Dielectric strength: AC 2500V 50/60Hz 1min<br>- Dimension (LxWxH): 89x30x20 mm<br>- Terminal screw size: M4             | YT-206      | Hanyoung      | Korea   | Cái | 10       |         |
| 105 | Thanh Domino 8 Cực 20A 660V | - Số tiếp điểm: 8<br>- Số hàng chân: 2<br>- Cách gắn: Bút vít sàn<br>- Hướng cắm dây: Thẳng<br>- Dòng điện định mức: 20A<br>- Điện áp định mức: 660V<br>- Vật liệu tiếp điểm: Đồng<br>- Mạ tiếp điểm: Thiếc<br>- Vật liệu vỏ: Nhựa chịu nhiệt                              | TA-2008     | OEM           | ASia    | Cái | 50       |         |



*[Handwritten signature]*